

Tăng tỷ trọng

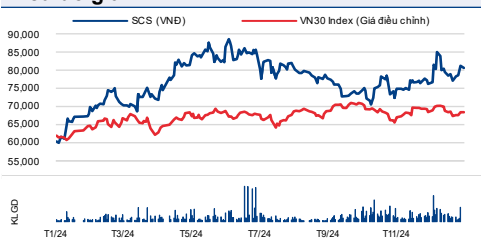
Giá mục tiêu: VNĐ85,000

Tiềm năng tăng/giảm: 5.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (20/1/2025)	80,600
Mã Bloomberg	SCS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	59,970-88,541
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	80,067
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,607
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	300
Slg CP lưu hành (tr.đv)	94.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	30.3
Slg CP NN được mua (tr.đv)	8.50
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	21.6%
Tỷ lệ freefloat	38.2%
Cổ đông lớn	Gemadep (35.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	705	1,011	1,146
EBITDA đc (tỷ đồng)	612	857	964
LNTT (tỷ đồng)	569	821	928
LNT ĐC (tỷ đồng)	463	667	690
FCF (tỷ đồng)	434	800	775
EPS ĐC (đồng)	4,527	6,649	6,892
DPS (đồng)	5,000	6,000	6,203
BVPS (đồng)	14,185	14,964	15,611
T.trưởng EBITDA (%)	(17.3)	40.0	12.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	(24.7)	46.6	3.63
Tăng trưởng DPS (%)	(16.7)	20.0	3.38
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	86.9	84.8	84.1
Tỷ suất LNTT (%)	80.7	81.2	80.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	70.7	71.0	64.7
Tỷ lệ LN trả CT (%)	102	83.6	83.4
Nợ thuần/VCSH (%)	(12.1)	(0.45)	1.98
ROAE (%)	35.9	52.0	51.2
ROACE (%)	40.9	59.2	63.6
EV/doanh thu (lần)	9.29	6.31	5.45
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	7.44	6.47
P/E ĐC (lần)	17.8	12.1	11.7
P/B (lần)	5.68	5.39	5.16
Lợi suất cổ tức (%)	6.20	7.44	7.70

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Được thành lập từ tháng 4/2008, nhà ga hàng hóa hàng không của SCS bắt đầu hoạt động từ tháng 10/2010. Hiện SCS là một trong hai nhà ga hàng hóa duy nhất tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp

trang.ctmai@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

KQKD Q4/2024 thấp hơn dự báo do chi phí nhân công cao

- Lợi nhuận thuần Q4/2024 của SCS đạt 170 tỷ đồng (tăng 33% so với cùng kỳ) trong khi doanh thu thuần đạt 294 tỷ đồng (tăng 48% so với cùng kỳ).
- Do đó, lợi nhuận thuần năm 2024 đạt mức cao kỷ lục là 692 tỷ đồng (tăng trưởng 39%) trên doanh thu thuần 1.037 tỷ đồng (tăng trưởng 47%). KQKD 2024 thấp hơn một chút 3,5% so với dự báo của HSC do chi phí nhân công Q4/2024 cao hơn dự kiến.
- Theo đó, chi phí nhân công Q4/2024 và cả năm 2024 của SCS tăng mạnh lần lượt 96% và 51% so với cùng kỳ lên 66 tỷ đồng và 142 tỷ đồng do Công ty trích thưởng nhiều hơn cho nhân viên khi đạt lợi nhuận kỷ lục.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, dự báo và giá mục tiêu là 85.000đ (tiềm năng tăng giá 6%).

Sự kiện: Công bố BCTC Q4/2024

Lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q4/2024 của SCS tăng lần lượt 33% và 48% so với cùng kỳ đạt lần lượt 170 tỷ đồng (giảm 8% so với quý trước) và 294 tỷ đồng (tăng 11% so với quý trước). Theo đó, lợi nhuận thuần năm 2024 tăng mạnh 39% so với cùng kỳ đạt 692 tỷ đồng và đạt mức cao kỷ lục kể từ khi niêm yết. Điều này chủ yếu nhờ nhu cầu hồi phục và đóng góp của khách hàng mới Qatar Airways từ tháng 2/2024.

Mặc dù tăng trưởng mạnh mẽ nhưng KQKD Q4/2024 và cả năm 2024 thấp hơn dự báo của HSC lần lượt 12,0% và 3,5% do chi phí lao động cao hơn dự kiến, vì Công ty trích thưởng cho nhân viên cao hơn ước tính nhờ lợi nhuận đạt kỷ lục.

Sản lượng Q4/2024 tăng 37% so với cùng kỳ, tăng 11% so với quý trước

Trong Q4/2024, sản lượng hàng hóa quốc tế và trong nước của SCS đạt lần lượt 57.632 tấn (tăng 47% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước) và 15.438 tấn (tăng 8% so với cùng kỳ và 13% so với quý trước). Tổng sản lượng Q4/2024 đạt 73.070 tấn (tăng 37% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước).

Tăng trưởng sản lượng mạnh mẽ được thúc đẩy nhờ đóng góp của khách hàng quốc tế mới từ tháng 2/2024 và sự phục hồi của nhu cầu. Tổng sản lượng năm 2024 của SCS đã tăng trưởng 41% đạt 267.368 tấn nhờ sản lượng quốc tế và trong nước tăng trưởng lần lượt 50% và 18%. Theo đó, doanh thu thuần năm 2024 của SCS tăng trưởng 47% đạt 1.037 tỷ đồng nhờ sản lượng tăng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2024, SCS

Lợi nhuận thuần và doanh thu thuần Q4 tăng lần lượt 33% và 48% so với cùng kỳ

Tỷ đồng	Q4/23	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	199	294	47.7%	10.6%	704	1,037	47.3%
Lợi nhuận thuần	128	170	32.8%	-8.4%	498	693	39.2%

Nguồn: SCS

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng do chi phí nhân công tăng

Tỷ suất lợi nhuận gộp Q4/2024 giảm xuống mức 70,4% từ 72,6% trong cùng kỳ năm ngoái. Bên cạnh đó, tỷ lệ chi phí quản lý/doanh thu tăng lên mức 9,6% từ 8,0% trong Q4/2023. Điều này chủ yếu là do chi phí lao động tăng (được phân bổ trong cả giá vốn hàng bán và chi phí quản lý), tăng 96% so với cùng kỳ trong Q4/2024 lên 66 tỷ đồng. Theo đó, tổng chi phí lao động năm 2024 đạt 142 tỷ đồng (tăng 51% so với năm 2023).

HSC cho rằng điều này là do công ty đã trích thưởng cao hơn để khuyến khích nhân viên sau khi lợi nhuận năm 2024 tăng trưởng mạnh. Theo quan sát của chúng tôi, chi thưởng hằng năm của SCS sẽ dựa trên KQKD. Trong Q4/2022, do dự kiến nhu cầu tiêu thụ sụt giảm, công ty đã tiết giảm chi phí và chi phí nhân công của SCS đã giảm 76% so với cùng kỳ và 44% so với quý trước xuống chỉ còn 12 tỷ đồng. Trong năm 2024, nhờ lợi nhuận kỷ lục với mức tăng trưởng lợi nhuận mạnh là 39%, quỹ thưởng của công ty đã tăng cao hơn để ghi nhận những nỗ lực của nhân viên.

Lợi nhuận tài chính Q4/2024 giảm 22% so với cùng kỳ

Lợi nhuận tài chính Q4/2024 đạt 14,2 tỷ đồng (giảm 22% so với cùng kỳ và tăng 17% so với quý trước). Đầu tư ngắn hạn và tương đương tiền đạt 1,15 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2024 so với 0,91 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2023. Lợi nhuận tài chính giảm so với cùng kỳ chủ yếu do lãi suất giảm.

Lợi nhuận thuần Q4/2024 tăng mạnh 33% so với cùng kỳ

Nhìn chung, lợi nhuận thuần Q4/2024 tăng mạnh 33% so với cùng kỳ đạt 170 tỷ đồng (giảm 8% so với quý trước) trong khi doanh thu thuần đạt 294 tỷ đồng (tăng 48% so với cùng kỳ và 11% so với quý trước). Theo đó, lợi nhuận thuần cả năm 2024 đạt mức cao kỷ lục kể từ khi niêm yết là 693 tỷ đồng (tăng trưởng 39%).

Mức lợi nhuận thuần năm 2024 thấp hơn một chút (3,5%) so với dự báo của HSC do chi phí lao động cao hơn dự kiến như đã đề cập ở trên.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng, giá mục tiêu và dự báo

HSC dự báo chi phí lao động sẽ trở lại mức bình thường trong năm 2025. Chúng tôi duy trì dự báo với lợi nhuận thuần năm 2025 đạt 742 tỷ đồng (tăng trưởng 6,1%). Mức tăng trưởng một con số chủ yếu là do thuế TNDN tăng lên mức 20% từ 10% vì năm 2024 là năm cuối cùng SCS được hưởng ưu đãi về thuế TNDN. HSC dự báo LNTT sẽ vẫn tăng trưởng ổn định 18,6% trong năm 2025. Cho năm 2026, HSC dự báo lợi nhuận thuần sẽ tăng trưởng trở lại ở mức hai con số là 13% đạt 835 tỷ đồng. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 85.000đ (tiềm năng tăng giá 5,5%).

Bảng 2: Sản lượng hàng hóa, SCS

Sản lượng hàng hóa của SCS trong năm 2024 tăng mạnh 41% so với 2023

Tân	Q4/24	So với cùng kỳ	So với quý trước	2023	2024	So với cùng kỳ
Quốc tế	57,632	47%	11%	137,150	205,140	50%
Trong nước	15,438	8%	13%	52,719	62,228	18%
Tổng	73,070	37%	11%	189,869	267,368	41%

Nguồn: SCS, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	851	705	1,011	1,146	1,285
Lợi nhuận gộp	698	535	833	935	1,054
Chi phí BH&QL	(56.9)	(51.7)	(67.6)	(76.6)	(85.9)
Thu nhập khác	(3.14)	(2.40)	(3.44)	(3.91)	(4.38)
Chi phí khác	0.46	0.36	0.52	0.59	0.66
EBIT	697	569	821	928	1,044
Lãi vay thuần	58.2	87.0	57.6	72.0	79.4
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	697	569	821	928	1,044
Chi phí thuế TNDN	(50.5)	(70.3)	(103)	(186)	(209)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	646	498	717	742	835
Lợi nhuận thuần ĐC	601	463	667	690	777
EBITDA ĐC	740	612	857	964	1,080
EPS (đồng)	6,507	4,897	7,179	7,440	8,419
EPS ĐC (đồng)	6,025	4,527	6,649	6,892	7,803
DPS (đồng)	6,000	5,000	6,000	6,203	7,023
Sig CP bình quân (triệu đv)	61.5	94.4	94.9	94.9	94.9
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	93.9	94.4	94.9	94.9	94.9
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	93.9	94.4	94.9	94.9	94.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	51.3	163	8.28	(27.3)	15.8
Đầu tư ngắn hạn	860	899	1,263	1,433	1,542
Phải thu khách hàng	85.3	96.2	133	153	170
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Các tài sản ngắn hạn khác	3.83	4.32	6.19	7.02	7.87
Tổng tài sản ngắn hạn	1,000	1,163	1,410	1,566	1,736
TSCĐ hữu hình	391	356	327	297	268
TSCĐ vô hình	0.59	0.28	(0.03)	(0.34)	(0.65)
Bất động sản đầu tư	78.7	77.5	70.6	63.7	56.8
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	85.0	107	135	147	159
Tổng tài sản dài hạn	555	540	532	508	484
Tổng cộng tài sản	1,556	1,703	1,942	2,074	2,220
Nợ ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phả trả người bán	3.55	12.1	17.4	19.7	22.1
Nợ ngắn hạn khác	96.9	319	458	519	582
Tổng nợ ngắn hạn	118	359	515	584	655
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	4.33	5.19	7.44	8.44	9.46
Tổng nợ dài hạn	4.33	5.19	7.44	8.44	9.46
Tổng nợ phải trả	122	364	522	592	664
Vốn chủ sở hữu	1,434	1,339	1,420	1,481	1,556
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,434	1,339	1,420	1,481	1,556
Tổng nợ phải trả và VCSH	1,556	1,703	1,942	2,074	2,220
BVPS (đ)	15,271	14,185	14,964	15,611	16,397
Nợ thuần/(tiền mặt)	(51.3)	(163)	(8.28)	27.3	(15.8)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	697	569	821	928	1,044
Khấu hao	(43.7)	(43.8)	(36.6)	(36.6)	(36.6)
Lãi vay thuần	58.2	87.0	57.6	72.0	79.4
Thuế TNDN đã nộp	(53.0)	(58.9)	(103)	(186)	(209)
Thay đổi vốn lưu động	(13.7)	14.1	77.8	29.9	35.0
Khác	(58.1)	(85.7)	1.87	0.83	0.85
LCT thuần từ HKKD	586	455	807	783	881
Đầu tư TS dài hạn	(34.3)	(21.6)	(6.83)	(7.39)	(7.46)
Góp vốn & đầu tư	(1,604)	(1,444)	(352)	(186)	(128)
Thanh lý	1,434	1,405	0	0	0
Khác	51.1	70.8	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(153)	10.3	(359)	(194)	(135)
Cổ tức trả cho CSH	(439)	(367)	(602)	(625)	(703)
Thu từ phát hành CP	0	13.0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	0	0	0	0	0
Khác	-	-	-	-	-
LCT thuần từ HĐTC	(439)	(354)	(602)	(625)	(703)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	57.9	51.3	163	8.28	(27.3)
LCT thuần trong kỳ	(6.37)	112	(155)	(35.6)	43.1
Ảnh hưởng của tỷ giá	(0.21)	(0.30)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	51.3	163	8.28	(27.3)	15.8
Dòng tiền tự do	551	434	800	775	873

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	82.0	75.9	82.5	81.6	82.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	87.0	86.9	84.8	84.1	84.1
Tỷ suất LNT (%)	75.9	70.7	71.0	64.7	65.0
Thuế TNDN hiện hành (%)	7.24	12.4	12.6	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	1.42	(17.2)	43.4	13.4	12.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	12.2	(17.3)	40.0	12.5	12.1
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	14.6	(22.9)	43.9	3.45	12.5
Tăng trưởng EPS (%)	(37.6)	(24.7)	46.6	3.63	13.2
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(37.5)	(24.9)	46.9	3.65	13.2
Tăng trưởng DPS (%)	100	(16.7)	20.0	3.38	13.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	92.2	102	83.6	83.4	83.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	48.2	35.9	52.0	51.2	55.0
ROACE (%)	51.8	40.9	59.2	63.6	68.3
Vòng quay tài sản (lần)	0.57	0.43	0.55	0.57	0.60
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.84	0.80	0.98	0.84	0.84
Số ngày tồn kho	0	0	0	0	0
Số ngày phải thu	203	207	273	266	269
Số ngày phải trả	8.47	26.1	35.8	34.2	35.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(3.38)	(12.1)	(0.45)	1.98	(0.86)
Nợ/tài sản (%)	0.18	0.08	0.10	0.10	0.11
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chỉ số TT hiện thời (lần)	8.51	3.24	2.74	2.68	2.65
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	7.82	9.29	6.31	5.45	4.74
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.99	10.7	7.44	6.47	5.64
P/E (lần)	12.4	16.5	11.2	10.8	9.57
P/E ĐC (lần)	13.4	17.8	12.1	11.7	10.3
P/B (lần)	5.28	5.68	5.39	5.16	4.92
Lợi suất cổ tức (%)	7.44	6.20	7.44	7.70	8.71

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn